



PEUGEOT 2008



**Peugeot 2008** với cụm đèn chiếu sáng ban ngày mô phỏng “**nanh sư tử**” đặc trưng của thương hiệu kết hợp khoảng sáng gầm xe lớn mang đến vẻ ngoài đầy mạnh mẽ và hấp dẫn.



**Đèn trước LED projector** với điểm nhấn 3 móng vuốt sư tử, tích hợp tính năng tự động điều chỉnh đèn chiếu xa/chiếu gần.



**Lưới tản nhiệt** với các thanh chrome đặt ngang, có kích thước nhỏ dẫn khí về trung tâm, nổi bật được logo Peugeot.



**Mâm hợp kim 17”**  
phong cách Salamanca



**Cụm đèn sau dạng LED 3D**  
mang đặc trưng 3 móng vuốt sư tử của thương hiệu Peugeot.



Nội thất Peugeot 2008 được thiết kế theo **ngôn ngữ i-Cockpit®** hướng về người lái:

- Vô lăng D-Cut thiết kế hiện đại
- Màn hình hiển thị 3D
- Màn hình trung tâm hướng về người lái
- Các nút điều khiển mô phỏng phím đàn piano



**Vô lăng D-cut** tích hợp nút bấm đa tính năng



**Ốp nội thất vân carbon** thể thao. Phiên bản GT Line có thêm đèn viền trang trí nội thất



Nút điều khiển chức năng mô phỏng **phím đàn piano**



**Khởi động bằng nút bấm** tăng tiện lợi cho người sử dụng.



**133 hp** / 4.000 – 6.000 rpm



**230 Nm** / 1.750 – 3.500 rpm



**Tự động 6 cấp EAT6**



TTNL hỗn hợp: **5,9** L / 100 km

- Thân động cơ đúc nguyên khối từ hợp kim nhôm kết hợp với thành xy-lanh làm từ vật liệu gang giúp động cơ nhanh chóng đạt đến nhiệt độ vận hành tối ưu. Ứng dụng vật liệu ma sát thấp & cải tiến hệ thống tản nhiệt.
- **Động cơ 1.2L Turbo Puretech** kết hợp cùng **hộp số tự động 6 cấp EAT6** (Efficient Automatic Transmission 6) mang đến hiệu quả vận hành vượt trội cùng khả năng tiết kiệm nhiên liệu hiệu quả.
- **Khung gầm CMP** đóng vai trò là nền tảng khung gầm module, đặc biệt về kích thước, cho phép PSA mang đến khách hàng nhiều kiểu dáng thân xe. Mang đến không gian thoải mái & yên tĩnh nhờ các giải pháp cách âm tại các khớp nối cũng như vật liệu cách âm được sử dụng trong khung gầm. Giảm rung động nhờ kết cấu theo hệ trục & phương thức ứng dụng vật liệu acrylic trong kết cấu sàn xe.



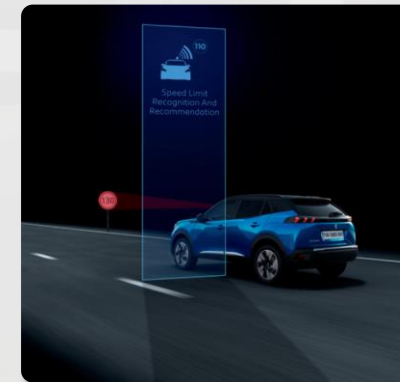
Peugeot 2008 đạt tiêu chuẩn an toàn 5 sao châu Âu, được trang bị **hệ thống an toàn cao cấp** bao gồm các tính năng đặc biệt như: nhận diện biển báo, giới hạn tốc độ, cảnh báo người lái tập trung,... giúp đảm bảo an toàn cho hành khách khi di chuyển trên mọi cung đường.



**Phanh an toàn chủ động**



**Cảnh báo & hỗ trợ giữ làn**



**Hệ thống nhận diện biển báo tốc độ**



**Cảnh báo điểm mù & hỗ trợ tránh va chạm**

Peugeot 2008 bao gồm 02 tùy chọn phiên bản



**Active**



**GT Line**

Peugeot 2008 bao gồm 06 tùy chọn màu sơn



**Màu cam**  
Orange Fusion – KLS



**Màu đỏ**  
Sensation Red – M6MY



**Màu xanh**  
Magnetic Blue – EEG



**Màu Đen**  
Nera Black – KTV



**Màu Xám**  
Platinum Grey – EVL



**Màu Trắng**  
Pearl White – KWE

# THÔNG SỐ KỸ THUẬT



| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                                                    |                |  | ACTIVE                             | GT LINE                               |
|----------------------------------------------------------------------|----------------|--|------------------------------------|---------------------------------------|
| KÍCH THƯỚC - TRỌNG LƯỢNG                                             |                |  |                                    |                                       |
| Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm)                                 |                |  | 4.300 x 1.770 x 1.550              |                                       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                                                 |                |  | 2.605                              |                                       |
| Chiều rộng cơ sở trước/sau (mm)                                      |                |  | 1.540 / 1.540                      |                                       |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                                              |                |  | 175                                |                                       |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)                                    |                |  | 5.400                              |                                       |
| Trọng lượng                                                          | Không tải (kg) |  | 1.225                              |                                       |
|                                                                      | Toàn tải (kg)  |  | 1.730                              |                                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (lít)                                     |                |  | 44                                 |                                       |
| ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH                                                   |                |  |                                    |                                       |
| Loại động cơ                                                         |                |  | Turbo Puretech                     |                                       |
| Dung tích xy lanh                                                    |                |  | 1.199 cc                           |                                       |
| Công suất cực đại                                                    |                |  | 133 hp @ 4.000 – 6.000 rpm         |                                       |
| Mô men xoắn cực đại                                                  |                |  | 230 Nm @ 1.750 – 3.500 rpm         |                                       |
| Hộp số                                                               |                |  | Tự động 6 cấp                      |                                       |
| Dẫn động                                                             |                |  | Cầu trước                          |                                       |
| Vận tốc tối đa (km/h)                                                |                |  | 196                                |                                       |
| Tăng tốc 0 – 100 km/h (giây)                                         |                |  | 10,2                               |                                       |
| Số giấy chứng nhận                                                   |                |  | 20KDR/000079                       |                                       |
| Tiêu hao nhiên liệu (lít/100 km)                                     | Trong đô thị   |  | 8,0                                |                                       |
|                                                                      | Ngoài đô thị   |  | 4,7                                |                                       |
|                                                                      | Kết hợp        |  | 5,9                                |                                       |
| KHUNG GẦM / CHASSIS                                                  |                |  |                                    |                                       |
| Hệ thống treo                                                        | Trước          |  | Độc lập kiểu McPhersen             |                                       |
|                                                                      | Sau            |  | Thanh xoắn                         |                                       |
| Hệ thống phanh                                                       | Trước x Sau    |  | Đĩa x Đĩa                          |                                       |
| Trợ lực lái                                                          |                |  | Trợ lực điện                       |                                       |
| Mâm xe                                                               |                |  | Mâm hợp kim 17-inch kiểu Salamanca |                                       |
| Thông số lốp                                                         |                |  | 215/60 R17                         |                                       |
| NGOẠI THẤT                                                           |                |  |                                    |                                       |
| Cụm đèn trước                                                        |                |  | LED                                | LED với đèn ban ngày dạng 3 móng vuốt |
| Đèn trước thích ứng tự động                                          |                |  | -                                  | ●                                     |
| Gạt mưa tự động                                                      |                |  | -                                  | ●                                     |
| Thanh giá nóc                                                        |                |  | -                                  | ●                                     |
| Cụm đèn hậu Full LED 3D dạng móng vuốt sư tử                         |                |  | ●                                  | ●                                     |
| Gương chiếu hậu sơn đen, chỉnh điện, gập điện, sấy & tích hợp báo rẽ |                |  | ●                                  | ●                                     |
| Tay nắm cửa sơn đen bóng & viền mạ chrome                            |                |  | ●                                  | ●                                     |

# THÔNG SỐ KỸ THUẬT



| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                        | ACTIVE                                 | GT LINE                                |
|------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| NỘI THẤT                                 |                                        |                                        |
| Bảng đồng hồ                             | Analog cùng màn hình đa thông tin 3,5" | Màn hình điện tử 10" hiệu ứng 3D       |
| Màn hình giải trí                        | 7", kết nối Apple CarPlay & MirrorLink | 7", kết nối Apple CarPlay & MirrorLink |
| Chất liệu ghế                            | Bọc da, chỉ màu cam                    | Bọc da, chỉ màu xám                    |
| Ghế người lái chỉnh điện                 | ●                                      | ●                                      |
| Vô lăng                                  | Bọc da, chỉ màu cam                    | Bọc da, chỉ màu xám                    |
| Ốp nội thất                              | Vân carbon                             | Vân carbon                             |
| 4 cửa kính chỉnh điện, 1 chạm, chống kẹt | ●                                      | ●                                      |
| Điều hòa                                 | 1 vùng                                 | Tự động 1 vùng                         |
| Hàng ghế sau gập 60:40                   | ●                                      | ●                                      |
| Túi đựng đồ sau ghế trước                | ●                                      | ●                                      |
| Hệ thống âm thanh                        | 4 loa                                  | 6 loa                                  |
| AN TOÀN                                  |                                        |                                        |
| ABS + EBD + ESP                          | ●                                      | ●                                      |
| Khởi hành ngang dốc                      | ●                                      | ●                                      |
| Cảm biến đỗ xe                           | Phía sau                               | Trước + sau                            |
| Camera lùi 180 độ                        | ●                                      | ●                                      |
| Chìa khóa thông minh                     | ●                                      | ●                                      |
| Drive modes: Eco/Normal/Sport/Manual     | ●                                      | ●                                      |
| Số túi khí                               | 4 túi khí                              | 6 túi khí                              |
| Phanh tay điện tử                        | ●                                      | ●                                      |
| Ghế ISOFIX tại hàng ghế sau              | ●                                      | ●                                      |
| Cảnh báo áp suất lốp gián tiếp           | ●                                      | ●                                      |
| Điều khiển hành trình                    | -                                      | ●                                      |
| Giới hạn tốc độ                          | -                                      | ●                                      |
| Phanh an toàn chủ động                   | -                                      | ●                                      |
| Hỗ trợ giữ làn đường                     | -                                      | ●                                      |
| Hệ thống nhận diện biển báo tốc độ       | -                                      | ●                                      |
| Nhắc nhở người lái tập trung             | -                                      | ●                                      |
| Cảnh báo điểm mù                         | -                                      | ●                                      |



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN